

Tạo biểu đồ Pareto bằng EXCEL2013

(1) Điều tra dữ liệu của số vụ phát sinh lỗi,..., sắp xếp theo thứ tự giảm dần, tính toán số lũy tích, xuất tỷ suất lũy tích từ tỷ lệ lớn hơn.

Hạng mục	Số lượng lỗi (lỗi)
Xước	390
Bong tróc	140
Bản	85
Thiếu	45
Bavia	25
Vết bản	15
Khác	25

(1) Điều tra dữ liệu của số vụ phát sinh lỗi,..., sắp xếp theo thứ tự giảm dần, tính toán số lũy tích, xuất tỷ suất lũy tích từ tỷ lệ lớn hơn.

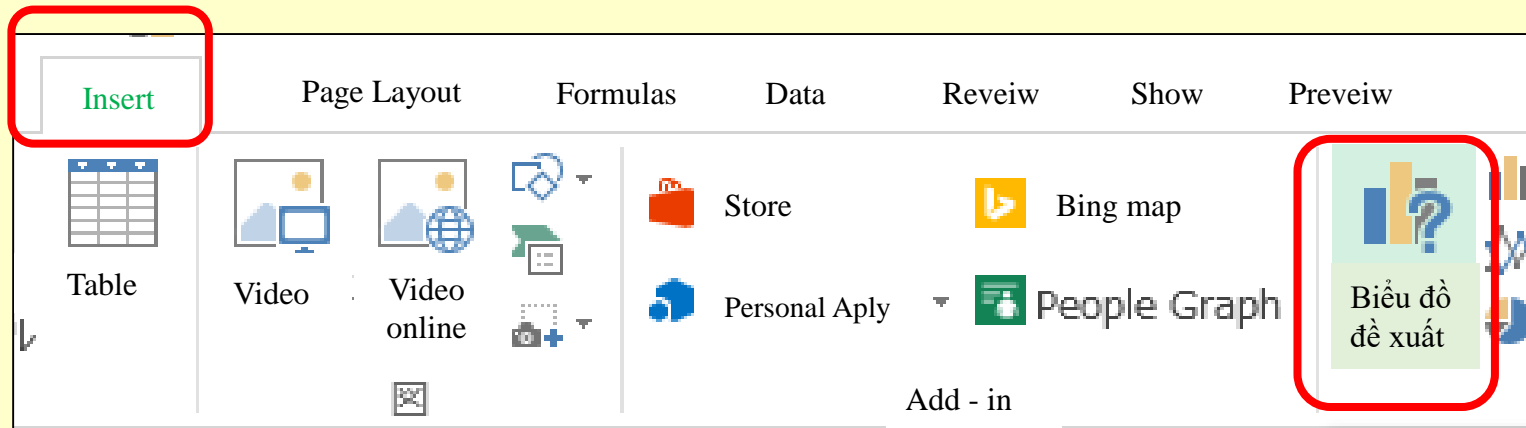
Hạng mục	Số lượng lỗi (lỗi)	Số lũy tích (lỗi)	Tỷ suất lũy tích (%)
			0
Xước	390	390	53.8%
Bong tróc	140	530	73.1%
Bắn	85	615	84.8%
Thiếu	45	660	91.0%
Bavia	25	685	94.5%
Vết bắn	15	700	96.6%
Khác	25	725	100.0%

$$390 \div 725 \times 100 = 53.8\%$$

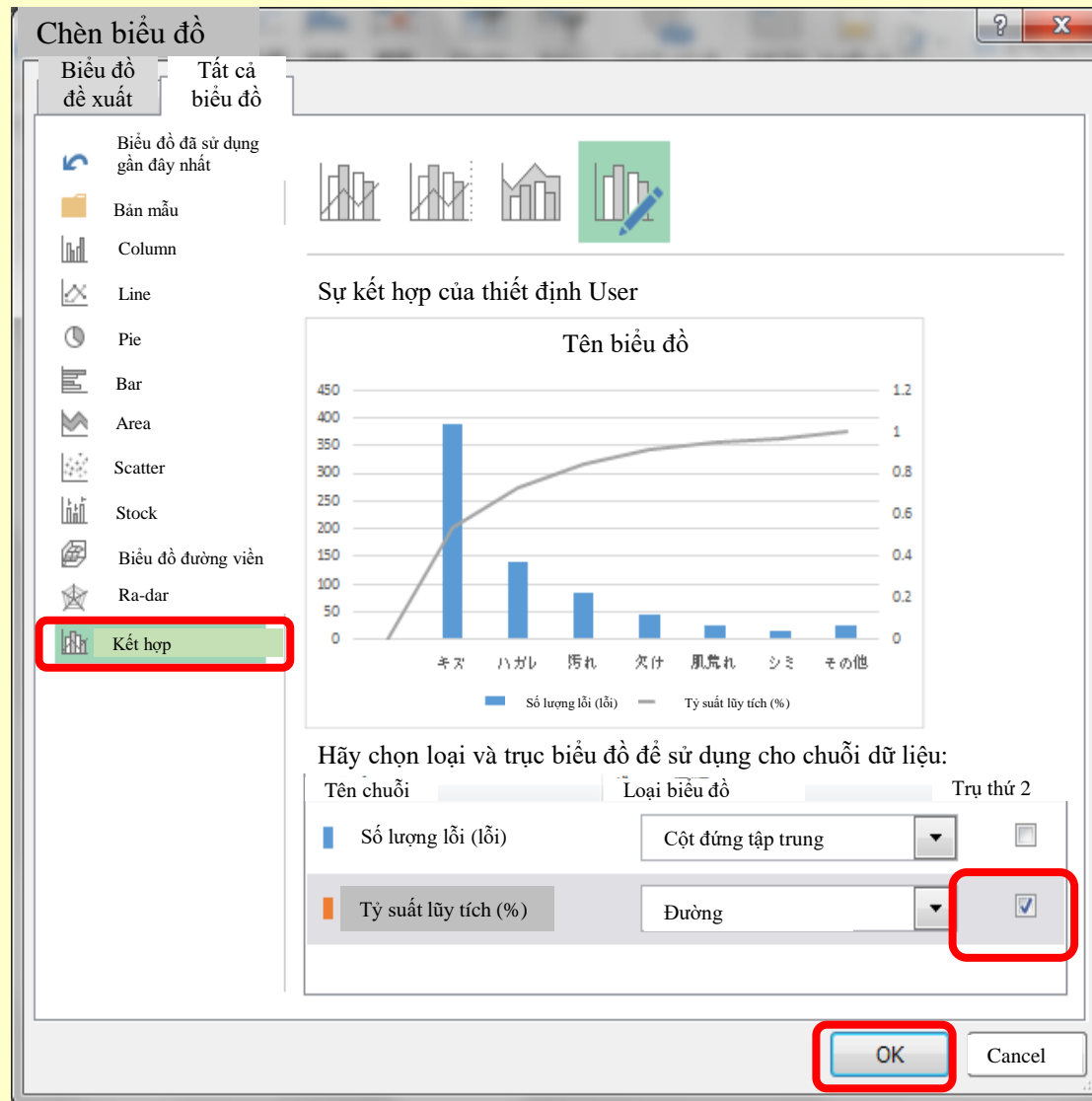
(2) Do dữ liệu của số lũy tích không sử dụng nên tạm thời bị ẩn.

Hạng mục	Số lượng lỗi (lỗi)	Tỷ suất lũy tích (%)
		0
Xước	390	53.8%
Bong tróc	140	73.1%
Bản	85	84.8%
Thiếu	45	91.0%
Bavia	25	94.5%
Vết bản	15	96.6%
Khác	25	100.0%

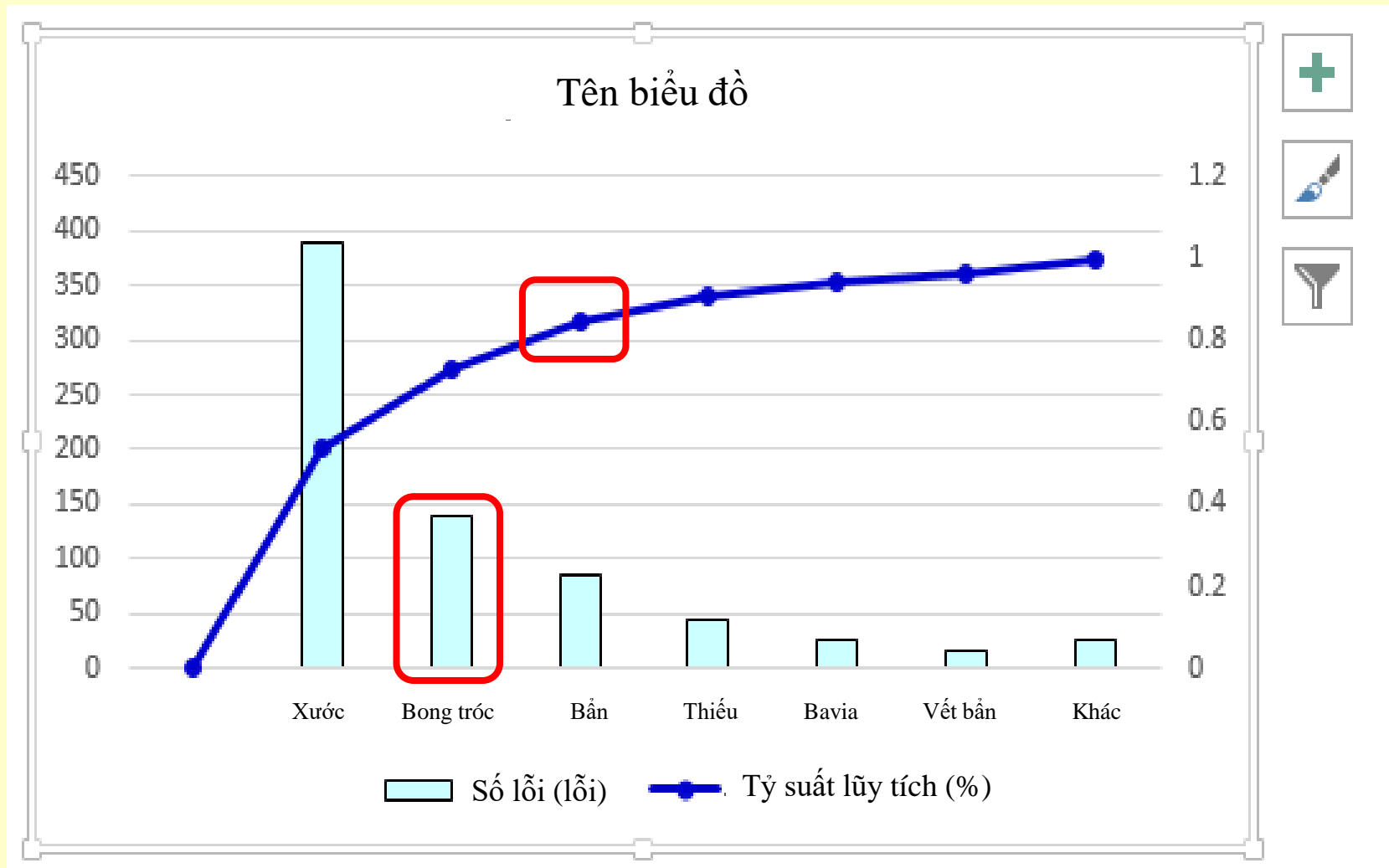
(3) Kéo bảng, click vào tab “Insert” biểu đồ được đề xuất.



(4) Click vào mục “Kết hợp” của mục “Tất cả biểu đồ”, phân tỷ suất tích lũy là trục thứ 2.






(5) Vì biểu đồ như vậy có thể tạo ra được, làm dấu màu, khung cho biểu đồ đường gấp khúc.



(6) Kích đúp chuột vào mục biểu đồ thanh, tại mục thiết định biểu mẫu của chuỗi dữ liệu, cho mục “khoảng cách của nhân tố” về 0.

Thiết định biểu mẫu của chuỗi dữ liệu

Chọn chuỗi


  


Chọn chuỗi

Cột sử dụng

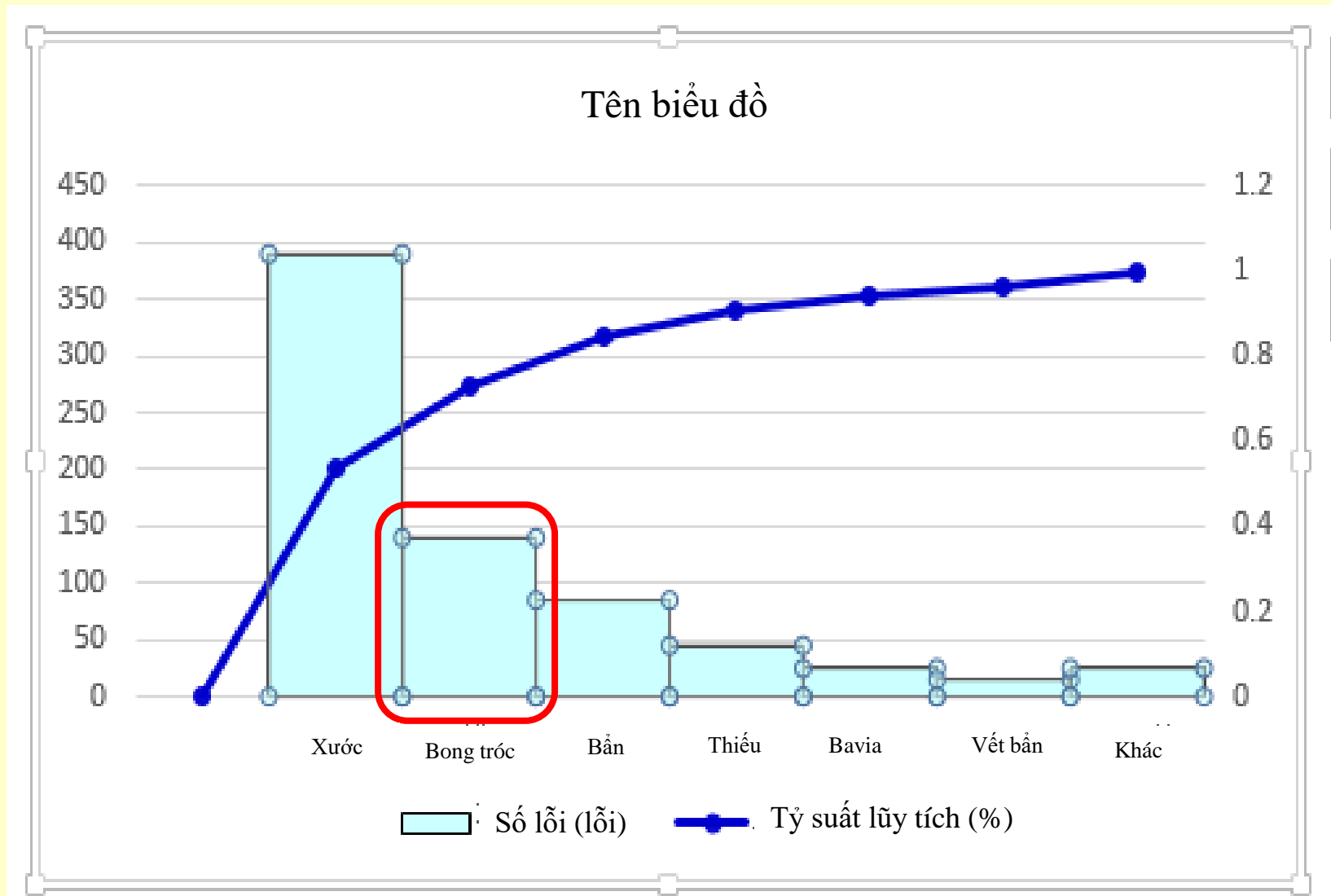
☒ Cột chính (phía dưới/bên trái) (P)

☐ Cột thứ 2 (phía trên/bên phải) (S)

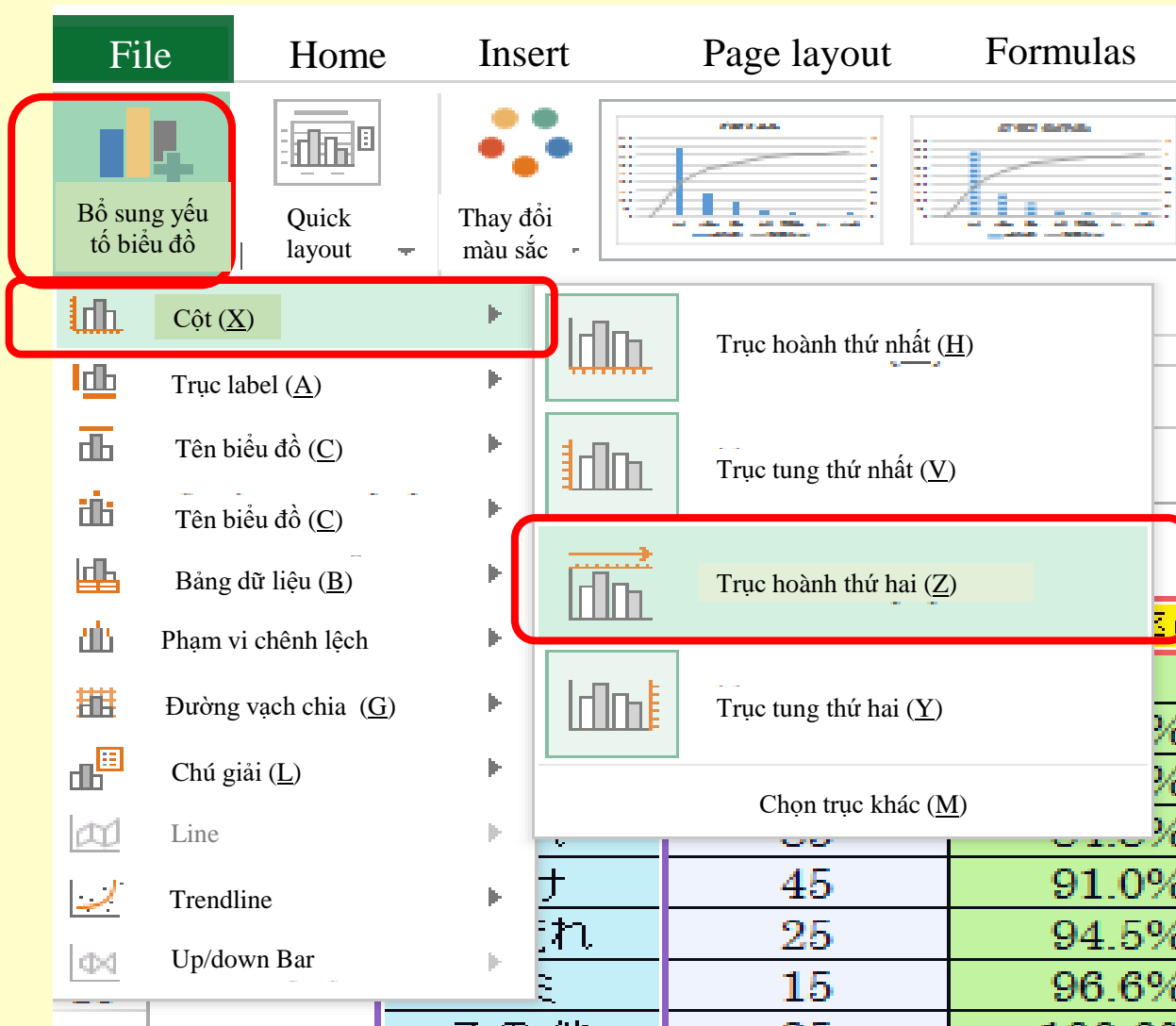
Độ trùng khớp của chuỗi (O)  -27%

Khoảng cách của nhân tố (W)  0%

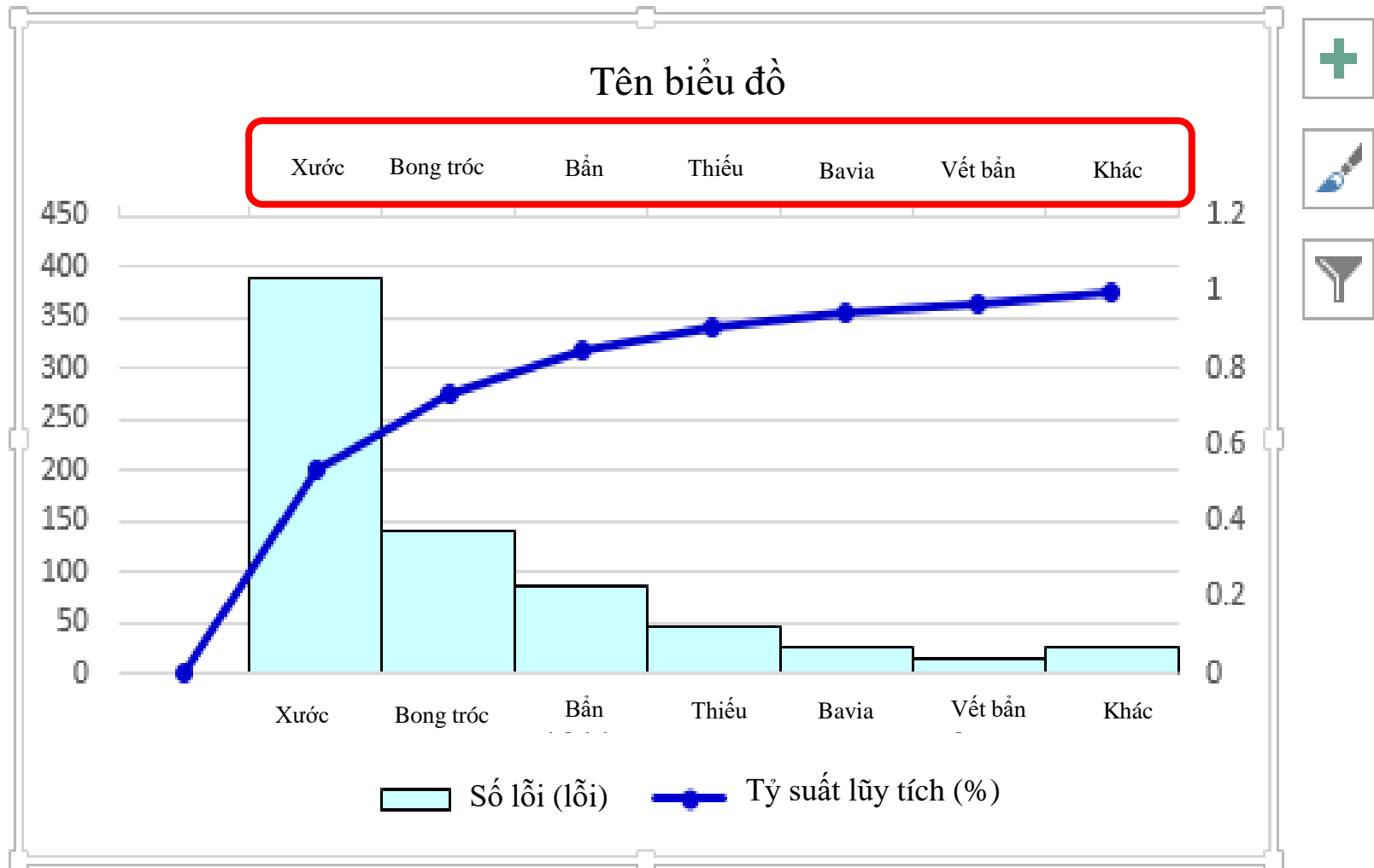
(7) Biểu đồ cột trở nên dày, không có khoảng cách giữa các cột.



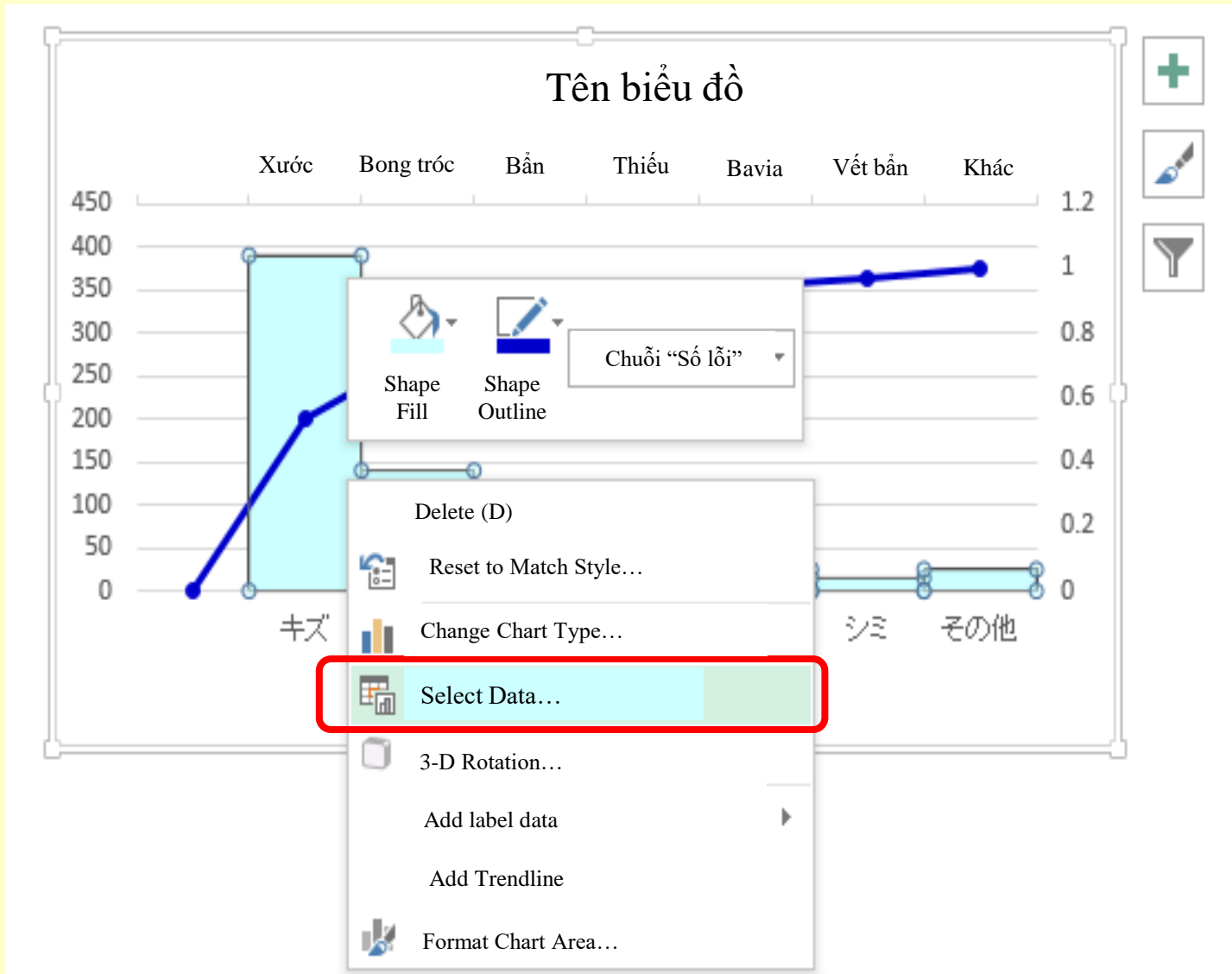
(8) Click vào mục “Bổ sung yếu tố biểu đồ” của tab “Design”
→”Cột”→”Cột thứ 2”



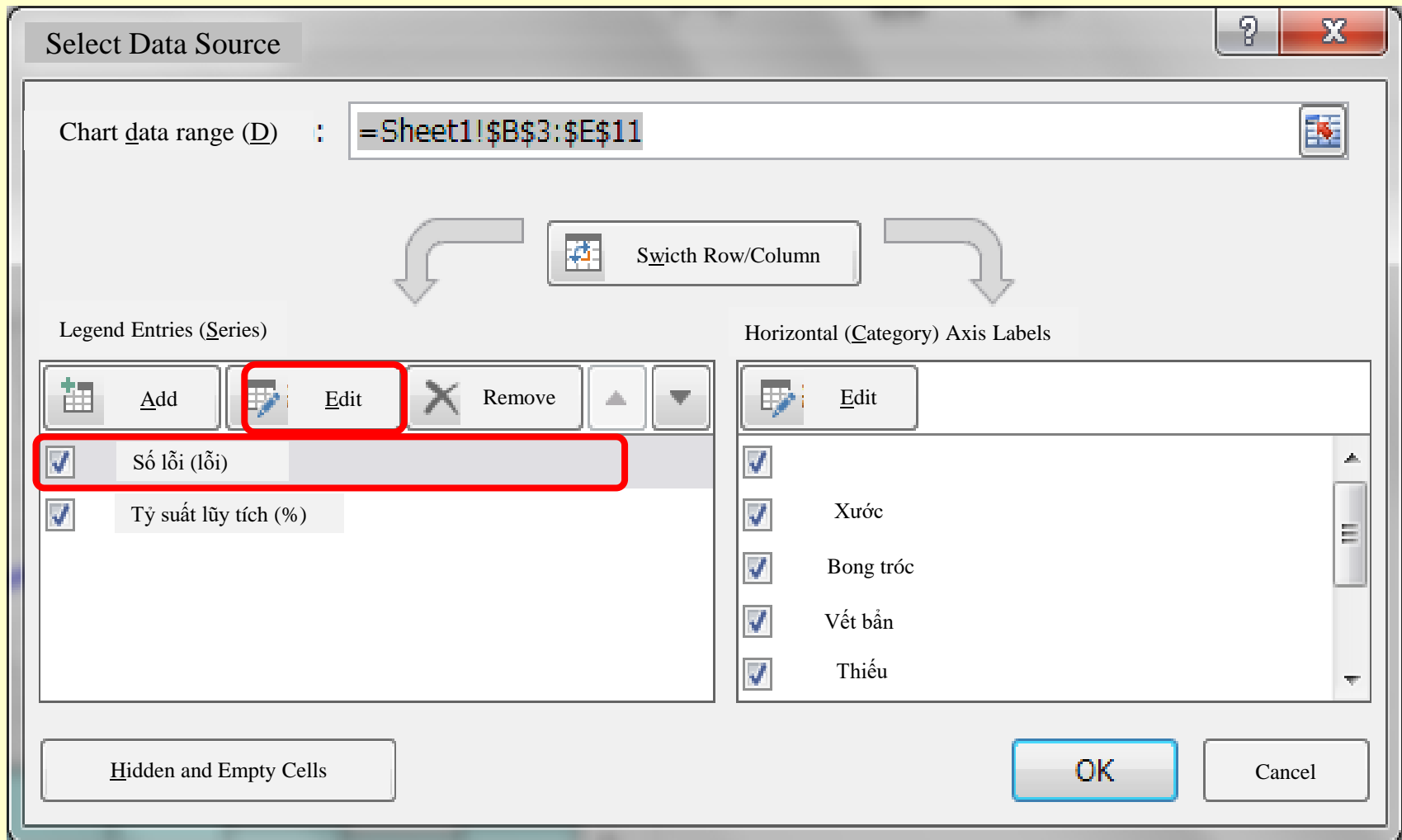
(9) Phía trên biểu đồ xuất hiện trục hạng mục.



(10) Click chuột phải trên mặt biểu đồ, click vào mục “Select Data”.

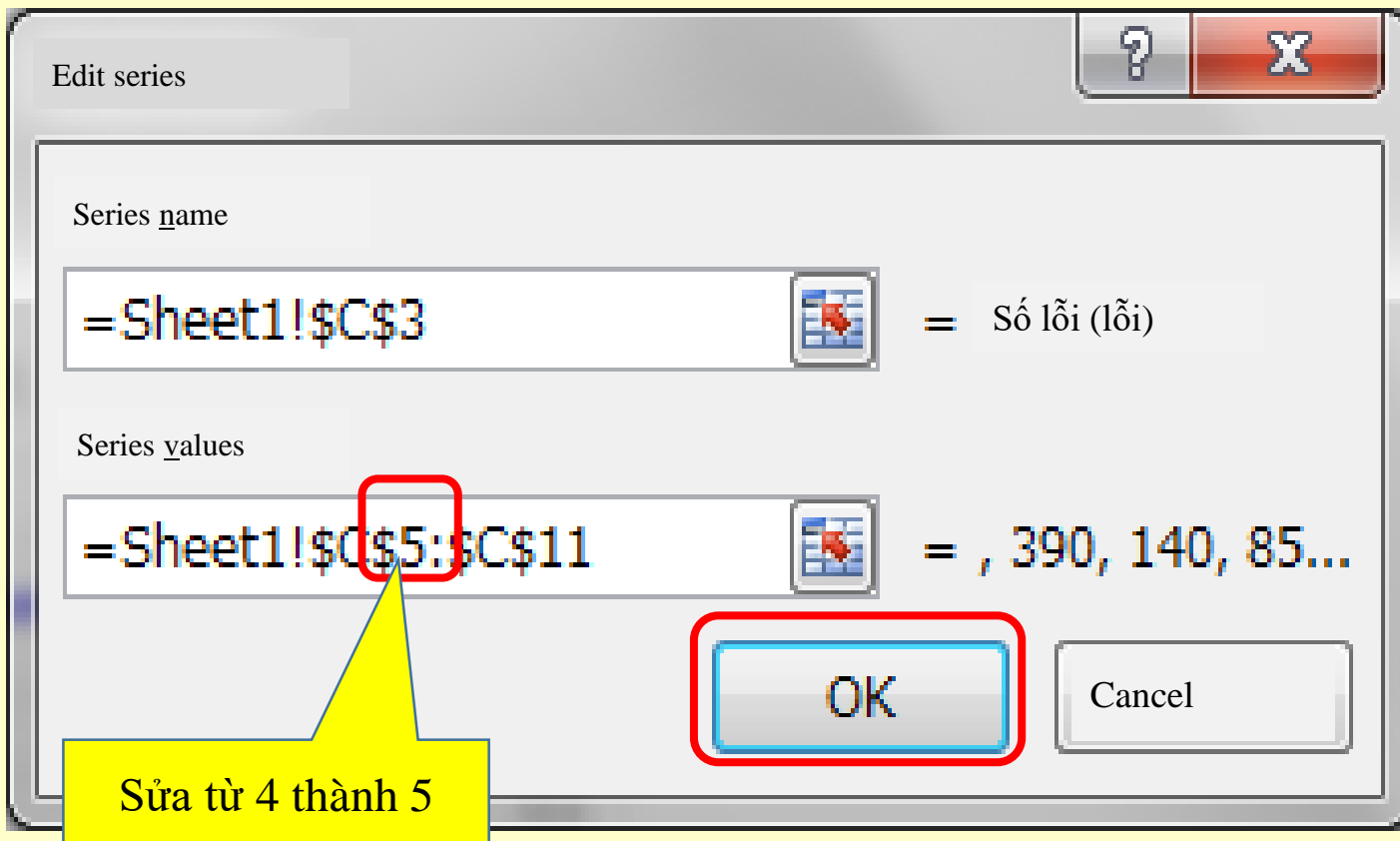


(11) Click vào mục “Số lỗi” 1 lần để tạo ..., click vào mục “Chỉnh sửa”.

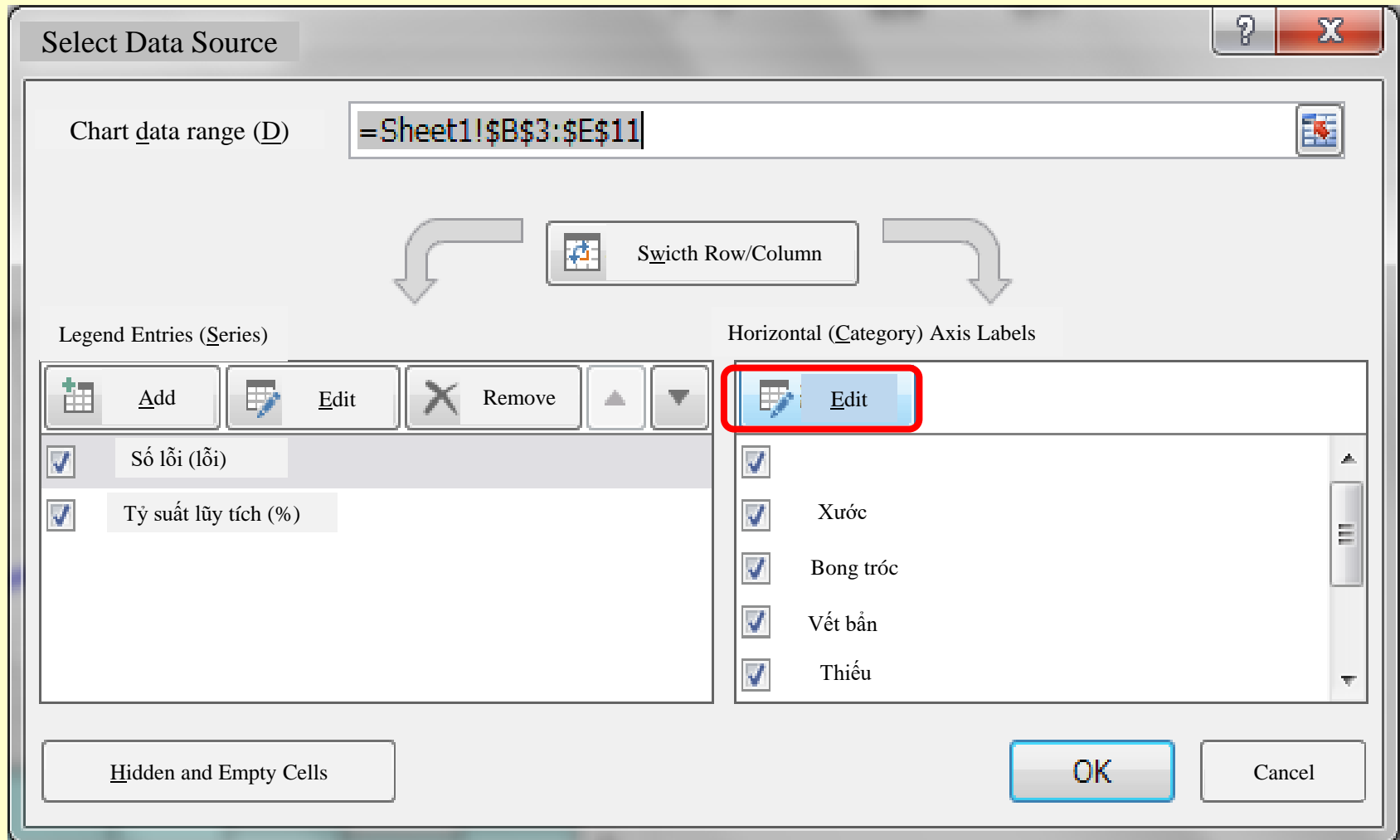


(12) Nâng số dòng của giá trị chuỗi lên 1.

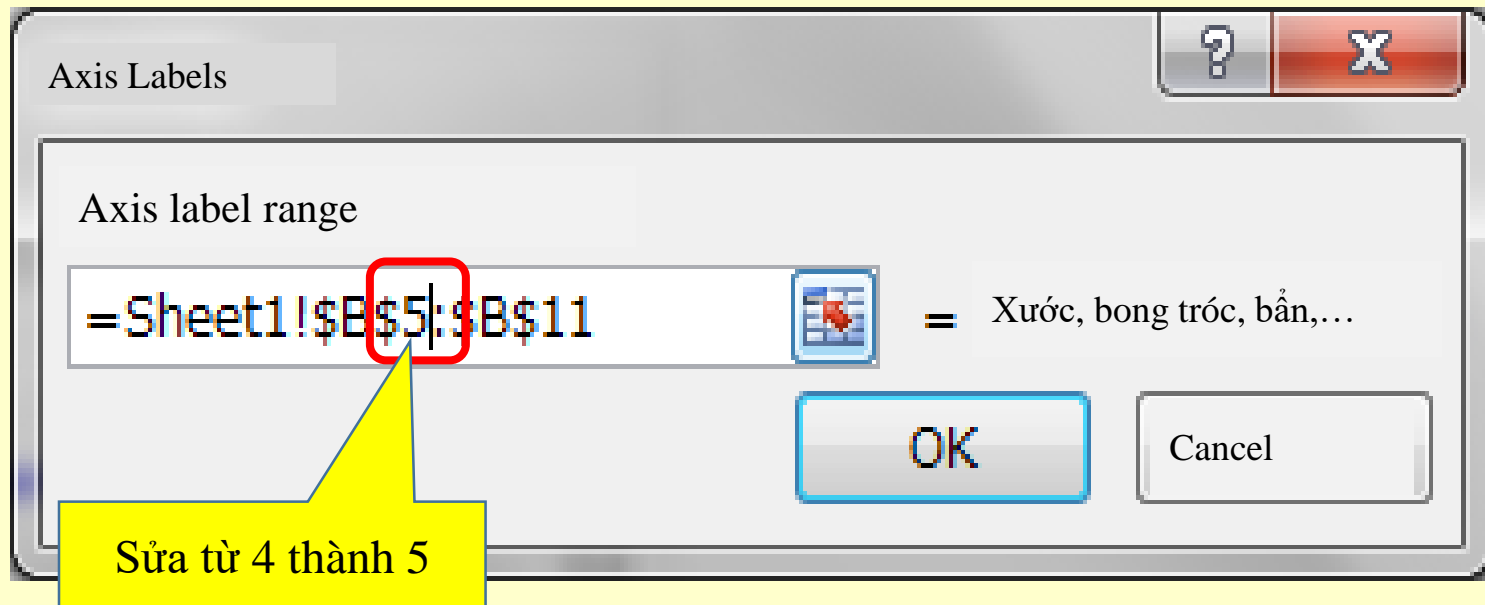
(Ở bảng đầu tiên, loại bỏ bộ phận đang trống ngoài phạm vi)



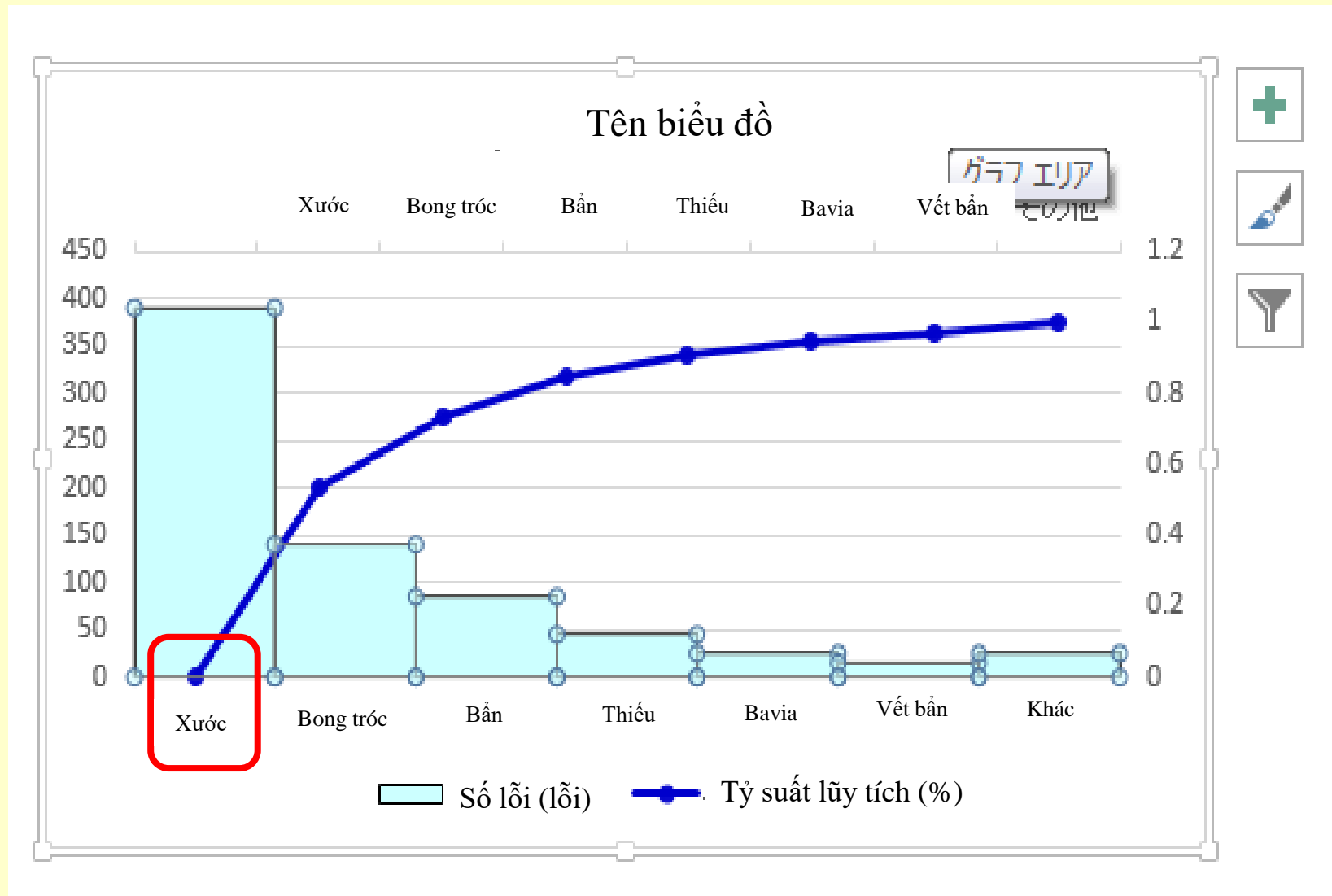
(13) Click vào mục “Edit” của mục Horizontal (Category) Axis Labels.



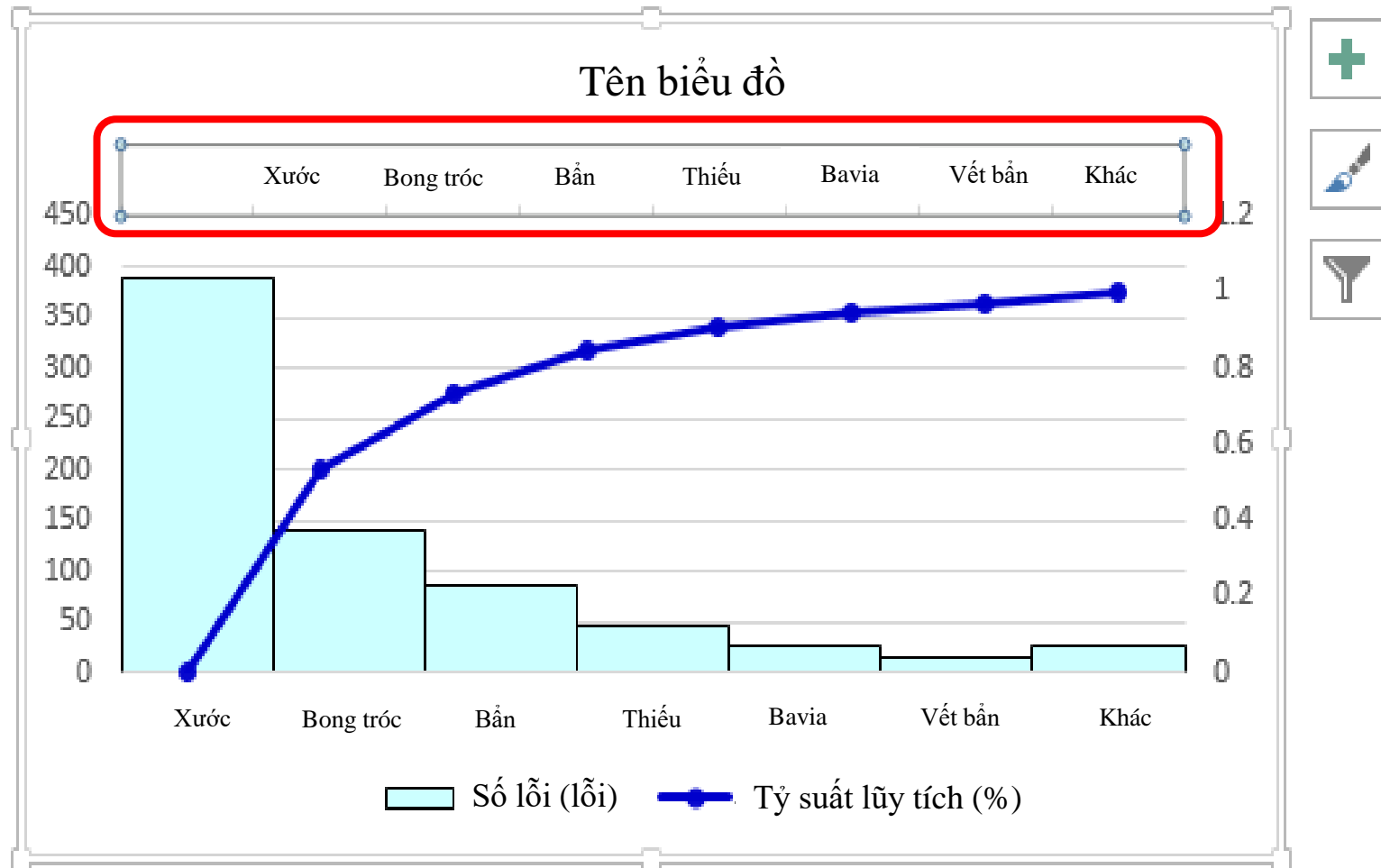
- (14) Mục Axis label range cũng nâng lên 1 dòng.
(Ở bảng đầu tiên, loại bỏ bộ phận đang trống ngoài phạm vi)



(15) Các mục không cần thiết trên trục ngang sẽ không còn.







(16) Kích đúp chuột vào mục ở phía trên để mở màn hình của “Trục định dạng”.



(17) Đặt vị trí của “Tùy chọn trục” thành “Chia vạch”.

Trục định dạng

Tùy chọn trục ▼ | Tùy chọn chữ cái

▲ **Tùy chọn trục**

Loại trục

☒ Tự động chọn dựa trên dữ liệu

☐ Trục Text

☐ Trục ngày tháng

Điểm giao với trục dọc

☐ Tự động

☐ Số hạng mục

☒ Hạng mục lớn nhất

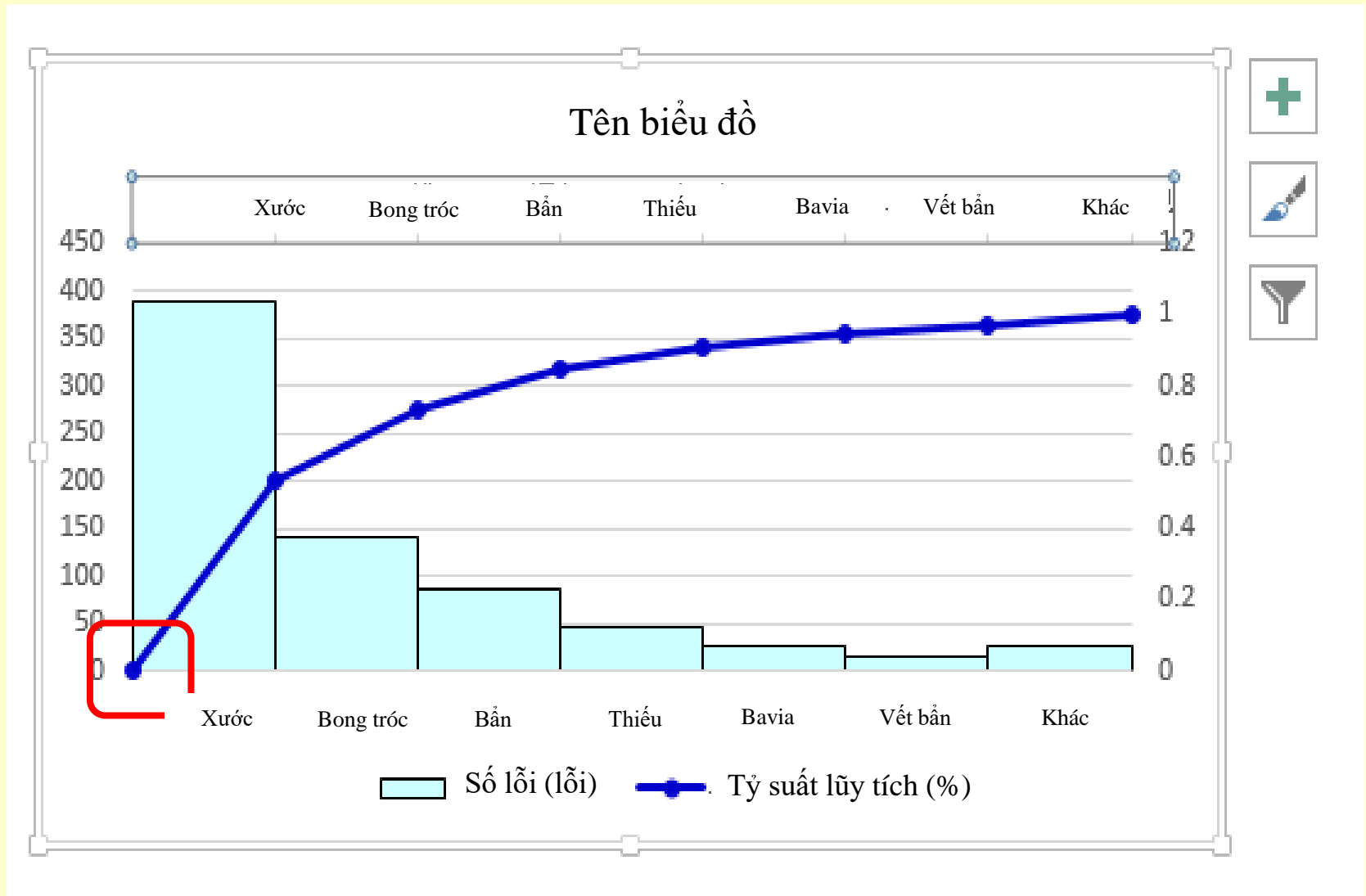
Vị trí trục

☒ Chia vạch

☐ Khoảng chia vạch

☐ 軸を反転する(C)

(18) Di chuyển điểm bắt đầu của đường gấp khúc sang điểm gốc.



(19) Đặt các mục “Chia vạch”, “Vị trí label” của mục “Trục định dạng” là “Không”

☐ 軸化反転 (L)

▼ Chia vạch

Khoảng cách của vạch chia

Loại vạch chia

Loại vạch chia phụ

▼ Label

Khoảng cách của label

☒ Tự động

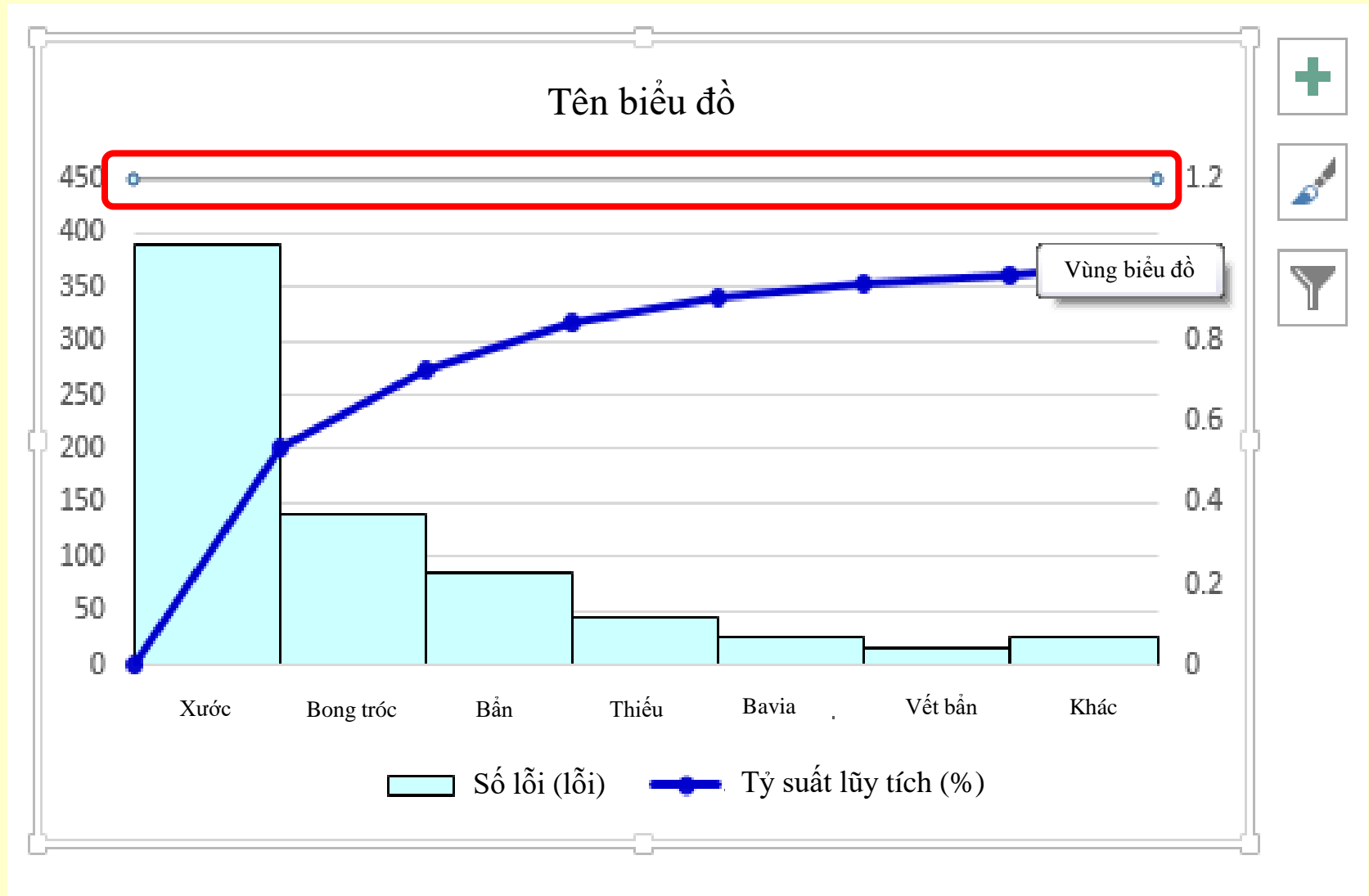
☐ Đơn vị khoảng cách

Khoảng cách của trục

Vị trí của label

▶ 表示形式

(20) Trục hạng mục thứ 2 sẽ bị ẩn.



(21) Kích đúp chuột vào trục bên trái, thiết lập số dữ liệu cho giá trị lớn nhất (hiện tại là 725), giá trị nhỏ nhất “0”.

▲ | Tùy chọn trục

Mức giá trị

Giá trị thấp nhất 0.0 Reset

Giá trị cao nhất 725.0 Reset

Khoảng cách vạch chia

Vạch chia 100.0 Auto

Vạch chia phụ 20.0 Auto

Điểm giao với trục ngang

☒ Tự động

☐ Giá trị trục 0.0

☐ Giá trị lớn nhất của trục

(22) Kích đúp chuột vào trục dọc bên phải, thiết lập giá trị lớn nhất là “1.0”.

■ Tùy chọn trục

Mức giá trị

Giá trị thấp nhất	<input type="text" value="0.0"/>	Auto
Giá trị cao nhất	<input type="text" value="1.0"/>	<input type="button" value="Reset"/>
Khoảng cách vạch chia		
Vạch chia	<input type="text" value="0.2"/>	<input type="button" value="Reset"/>
Vạch chia phụ	<input type="text" value="0.04"/>	Auto
Điểm giao với trục ngang		

○ 自動(○)

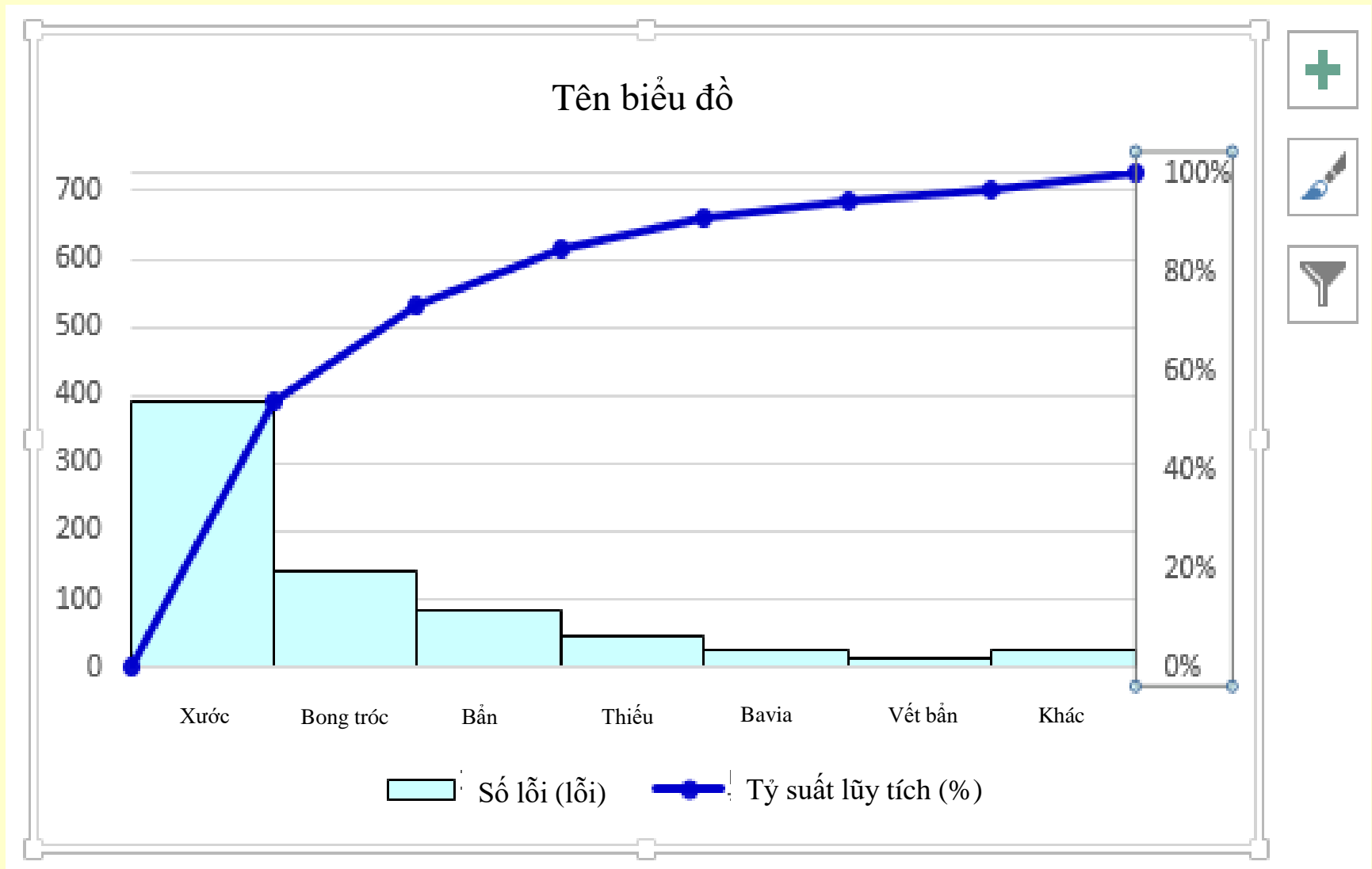
(23) Ở màn hình tương tự, thiết lập hình thức biểu thị là “Phần trăm”.

The screenshot shows a configuration window with three main sections, each with a green header and a small triangle icon:

- Vạch chia** (Divisions):
 - Loại vạch chia (Division type): Hướng ra ngoài (Outward) [dropdown]
 - Loại vạch chia phụ (Auxiliary division type): Không (None) [dropdown]
- Label**:
 - Vị trí của label (Label position): Phía dưới/bên trái (Bottom/left) [dropdown]
- Hình thức biểu thị** (Display format):
 - Category: Percent [dropdown, highlighted with a red rectangle]
 - Chữ số thập phân (Decimal digits): 0 [input field]
 - Code hình thức biểu thị (Display format code) ⓘ: 0% [input field]
 - Bổ sung (Additional) [button]

At the bottom, there is a checkbox and some text in Japanese: ☐ ストリック/カス (Sticky/Cut).

(24) Trở thành dạng biểu đồ Pareto.



(25) Điều chỉnh màu, ghi tiêu đề, label data, thông tin (số dữ liệu, thời hạn, người lập,...) là đã hoàn thành.

